

Bản án số: **122/2017/DS-PT**

Ngày 13/7/2017.

V/v: “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi**”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**;

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Kim Hương**;

Bà **Ngô Thị Minh Trang**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Quách Văn Khánh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông **Huỳnh Văn Nhân** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2017/TLPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2017 về việc: “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi**”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2017/DS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2017/QĐPT-DS ngày 07 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Kim Đ**, sinh năm: 1978 (*xin vắng mặt*).

Địa chỉ: Khu phố E, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà **Phù Kim L**, sinh năm: 1961 (*vắng mặt*);

Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1960 (*vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Đường N, khu phố C, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, ông D: Ông **Nguyễn Chí N**, sinh năm: 1986 (theo văn bản ủy quyền ngày 21/6/2017) - (*có mặt*).

Thường trú: Ấp A, xã A, huyện C, Sóc Trăng.

Tạm trú: đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Phù Kim L, ông Nguyễn Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn bà Lê Kim Đ trình bày:**

Do quen biết với bà Phù Kim L nên vào ngày 24/9/2015 (âm lịch) bà có tham gia dây hụi 20.000.000 đồng/tháng do bà L làm chủ, hụi gồm 21 người tham gia, bà tham gia 02 phần, bà L tổ chức khui hụi được 07 lần thì bế hụi, từ đó đến nay bà L không tổ chức khui hụi nữa. Tổng cộng số tiền hụi bà đóng cho bà L cụ thể như sau:

- Lần 1 ngày 24/10/2015 âm lịch, hụi kêu 4.300.000 đồng, bà đóng 15.700.000 đồng x 2 = 31.400.000 đồng.
- Lần 2 ngày 24/11/2015 âm lịch, hụi kêu 6.000.000 đồng, bà đóng 14.000.000 đồng x 2 = 28.000.000 đồng.
- Lần 3 ngày 24/12/2015 âm lịch, hụi kêu 7.500.000 đồng, bà đóng 12.500.000 đồng x 2 = 25.000.000 đồng.
- Lần 4 ngày 24/01/2016 âm lịch, hụi kêu 8.000.000 đồng, bà đóng 12.000.000 đồng x 2 = 24.000.000 đồng.
- Lần 5 ngày 24/02/2016 âm lịch, hụi kêu 9.200.000 đồng, bà đóng 10.800.000 đồng x 2 = 21.600.000 đồng.
- Lần 6 ngày 24/3/2016 âm lịch, hụi kêu 7.000.000 đồng, bà đóng 13.000.000 đồng x 2 = 26.000.000 đồng.
- Lần 7 ngày 24/4/2016 âm lịch, hụi kêu 9.300.000 đồng, bà đóng 10.700.000 đồng x 2 = 21.400.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng tiền vốn bà đóng 02 phần hụi này là 177.400.000 đồng.

Trong thời gian tham gia hụi thì bà có cho bà L vay nhiều lần tiền, tổng cộng là 1.000.000.000 đồng. Trong thời gian vay thì bà L vẫn đóng lãi đầy đủ nên các bên không làm biên nhận. Đến ngày 20/4/2016 (âm lịch) thì bà L không đóng lãi nữa và có làm biên nhận nợ của bà 1.000.000.000 đồng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L, ông D phải trả số tiền hụi gốc 177.400.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 24/4/2016 (âm lịch) đến khi xét xử sơ thẩm và số tiền vay 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 20/4/2016 (âm lịch) đến khi xét xử sơ thẩm.

*** Bị đơn bà Phù Kim L trình bày:**

Việc bà làm chủ dây hụi 20.000.000 đồng/tháng như bà Đ trình bày, bà Đ tham gia hai phần và đóng được 07 lần với số tiền 177.400.000 đồng. Sau đó bà bị bế hụi.

Ngoài ra, bà thừa nhận có nợ bà Đ số tiền 1.000.000.000 đồng, do bà vay nhiều lần, mỗi lần từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng. Theo biên nhận ngày 20/4/2016 là lần vay tiền cuối cùng của bà với bà Đ. Trong thời gian vay thì bà có đóng lãi cho bà Đ, lãi suất do hai bên thỏa thuận, nhưng từ ngày làm biên nhận nợ đến nay thì bà không đóng lãi cho bà Đ. Phần tiền đóng lãi trước đây cho bà Đ thì bà và bà Đ không yêu cầu tính lại, hai bên đã giải quyết xong rồi.

Bà thừa nhận còn nợ bà Đ tiền hụi 177.400.000 đồng, tiền vay 1.000.000.000 đồng, xin được trả tiền vốn, không trả lãi nữa vì hiện nay bà rất khó khăn. Khi nào bán nhà được bà sẽ trả một lần hoặc xin trả mỗi tháng 20.000.000 đồng đến khi hết nợ.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:**

Việc tham gia hụi và vay mượn tiền giữa vợ ông là bà L với bà Đ thì ông hoàn toàn không biết. Đến khi bà L bể hụi, bà Đ lại đòi tiền thì ông mới biết. Do đó, ông yêu cầu bà L có trách nhiệm trả cho bà Đ còn ông không biết nên ông không có trách nhiệm.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2017/DS-ST ngày 07/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện P quyết định:**

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ vay và nợ hụi của bà Lê Kim Đ đối với bà Phù Kim L và ông Nguyễn Văn D.

2- Buộc bà Phù Kim L và ông Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Kim Đ số tiền nợ vay, tiền nợ hụi, vốn và lãi là 1.360.076.000 đồng (Một tỷ ba trăm sáu mươi triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án mà bà L, ông D không trả khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần án phí và báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*** Ngày 31/3/2017, bà Phù Kim L kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:** Trong suốt quá trình tham gia hụi, bà không nhận bất kỳ số tiền nào của bà Đ, số tiền 177.400.000 đồng là do bà đưa ra để thực hiện nghĩa vụ góp hụi thay cho bà Đ, nhưng không được cấp sơ thẩm xem xét khấu trừ cho bà.

Đối với biên nhận nợ 01 tỷ đồng, bà không có nhận và ký vào biên nhận nợ, số tiền 01 tỷ đồng bao gồm tiền vốn và lãi suất 15%/tháng. Việc tham gia hụi và số tiền vay của bà Đ là bà tự thực hiện với bà Đ và sử dụng vào mục đích cá nhân không liên quan đến ông D.

Từ những nội dung nêu trên, bà đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 12 ngày 07/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện P.

*** Ngày 31/3/2017, ông Nguyễn Văn D kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:**

Việc vợ ông tham gia hụi và vay tiền của bà Đ ông không biết, mục đích vay là sử dụng riêng của vợ ông, không vì mục đích chung của gia đình, nên ông không có nghĩa vụ đối với khoản tiền này. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm đối với trách nhiệm của ông, ông không có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Đ số tiền 1.360.076.000 đồng.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Đại diện bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo của bà Phù Kim L, chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét tính lại lãi suất theo quy định của BLDS 2005. Giữ nguyên nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn D không chịu trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của bà Phù Kim L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Kháng cáo của ông Nguyễn Văn D là không có căn cứ xem xét. Kháng cáo của bà Phù Kim L là có căn cứ chấp nhận một phần về lãi suất theo quy định của BLDS năm 2005. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm để áp dụng lãi suất cơ bản đối với nợ hui và nợ vay của bà L đối với bà Đ, vì giao dịch này đã được thực hiện xong trước ngày BLDS năm 2015 có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Kim Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ theo quy định tại Điều 296 BLTTDS 2015.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Phù Kim L, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án theo yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim Đ, thì bà L đã cung cấp cho Tòa án bản tự khai thừa nhận còn nợ bà Đ tiền hui 180.400.000 đồng và nợ vay là 01 tỷ đồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/11/2016, bà L đã diễn giải số nợ vay và nợ hui như sau: Vào ngày 24/10/2015, bà Đ có tham gia hai phần, của dây hui tháng 20 triệu đồng do bà làm chủ, bà Đ đã góp hui được 07 lần bằng 180.400.000 đồng, ngoài ra bà còn vay tiền của bà Đ nhiều lần, mỗi lần từ 50 triệu đồng đến 200 triệu đồng, tổng số tiền vay là 01 tỷ đồng.

Vào ngày 05/01/2017, bà Đ thay đổi nội dung khởi kiện chỉ yêu cầu bà L, ông D trả nợ hui 177.400.000 đồng và nợ vay 01 tỷ đồng cùng lãi suất theo quy định pháp luật. Sau đó, tại biên bản lấy lời khai ngày 13/02/2017 bà L một lần nữa thừa nhận còn nợ hui bà Đ 177.400.000 đồng và nợ vay 01 tỷ đồng, xin trả nợ gốc và không trả lãi. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L xác định mỗi lần mượn thì không lấy hết số tiền mượn mà trừ ra một khoản tiền lãi nhưng bà L vẫn đồng ý xác định số tiền 01 tỷ đồng là tiền nợ gốc.

Như vậy, trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà L đều thừa nhận còn nợ bà Đ số tiền nêu trên, việc thừa nhận nợ của bà L là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của bà Đ cùng với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Nay bà L kháng cáo cho rằng không nhận trực tiếp 01 tỷ đồng từ bà Đ, không ký biên nhận nợ ngày 20/4/2016 và xác định số tiền 01 tỷ đồng bao gồm lãi suất 15%/tháng và tiền vốn. Nhưng bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho nội dung kháng cáo của bà là có căn cứ và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện theo ủy quyền của bà L cũng không cung cấp được chứng cứ nào mới, nên kháng cáo của bà L không đồng ý trả nợ tiền vay 01 tỷ đồng và nợ hui 177.400.000 đồng cho bà Đ không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn D, bà Phù Kim L cho rằng ông D không L quan đến số tiền bà L nợ bà Đ nên không có nghĩa vụ liên đới cùng bà L trả cho bà Đ số tiền nợ vay và nợ hui nêu trên, thấy rằng: Trong quá trình bà L làm chủ hui và vay tiền của bà Đ, ngoài việc bà L dùng số tiền này để đóng hui thay cho các hui viên và đóng lãi cho người khác, bà L còn khẳng định dùng tiền để tiêu xài trong gia đình, chứ không dùng tiêu xài cho cá nhân bà (BL56); bà L còn cho rằng việc bà đứng ra tổ chức chơi hui thì ông D cũng có biết, lúc ông D biết bà L nợ bà Đ thì ông D cũng đồng ý và hứa với bà Đ để bán nhà trả nợ. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện theo ủy quyền của ông D cũng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh mục đích sử dụng nguồn tiền nêu trên là của cá nhân bà L. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc trách nhiệm liên đới của ông D cùng bà L trả cho bà Đ nợ vay và nợ hui là phù hợp quy định tại Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên kháng cáo của ông D và kháng cáo của bà L về nội dung này không có căn cứ để xem xét.

Tuy nhiên, trong phần quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên buộc trách nhiệm liên đới của của ông D và bà L là có thiếu sót, cấp phúc thẩm sửa nội dung này cho phù hợp nhận định nêu trên.

Đồng thời, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng BLDS năm 2015 để tính lãi suất 1,66%/tháng đối với nợ vay và nợ hui giữa bà Đ với bà L là không đúng quy định pháp luật. Vì giao dịch nợ hui và nợ vay đã được thực hiện xong trước ngày BLDS năm 2015 có hiệu lực, do đó phải áp dụng BLDS năm 2005 để giải quyết giao dịch nêu trên là phù hợp điểm c khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015.

Do các bên có tranh chấp về lãi suất nên áp dụng khoản 2 Điều 476 BLDS năm 2005 và Quyết định số 2868 ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để tính lãi suất là 9%/năm, bằng 0,75%/tháng.

Lãi suất được tính cụ thể như sau:

Đối với nợ hui: 177.400.000 đồng x 0,75%/tháng x 09 tháng 07 ngày = **12.284.950** đồng.

Đối với nợ vay: 1.000.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 9 tháng 11 ngày = **70.250.000** đồng.

Như vậy, bà L và ông D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đ nợ hui **177.400.000** đồng, tiền lãi **12.284.950** đồng. Nợ vay **1.000.000.000** đồng và tiền lãi **70.250.000**. Tổng số tiền là **1.259.934.950** đồng.

Từ những phân tích và nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Phù Kim L, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn D. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2017/DS-ST ngày 07/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện P.

*** Về án phí:**

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phù Kim L và ông Nguyễn Văn D phải liên đới nộp án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho bà Lê Kim Đ 1.259.934.950 đồng là 49.798.048 đồng.

Bà Lê Kim Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.000.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên bà Phù Kim L, ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, 474, 476, 479 Bộ luật dân sự năm 2005;

Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL- UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội .

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Phù Kim L. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn D.

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2017/DS-ST ngày 07/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim Đ đối với bà Phù Kim L và ông Nguyễn Văn D.

2- Buộc bà Phù Kim L và ông Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Kim Đ tổng số tiền **1.259.934.950** (*Một tỷ hai trăm năm mươi chín triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi*) đồng.

Kể từ ngày người yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành chậm trả số tiền nêu trên thì người phải thi hành còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

*** Về án phí:**

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phù Kim L và ông Nguyễn Văn D phải liên đới nộp án phí có giá ngạch là 49.798.048 (*Bốn mươi chín triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn không trăm bốn mươi tám đồng*) đồng.

Bà Lê Kim Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.000.000 (*Hai mươi lăm triệu*) đồng theo biên lai thu tiền số 0008388 ngày 25/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phù Kim L và ông Nguyễn Văn D, mỗi người được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền lần lượt số 0003849 và 0003850 cùng ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (13/7/2017).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Thị Thu Hường

